

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 40/2018/TLST - HNGĐ
ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị B P** - Sinh năm 1982.

ĐKKHKT: Số 24, đường NT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội;
Cư trú tại: Xóm L, xã KL, huyện N, tỉnh NA.

- Bị đơn: Anh **Phan M T** - Sinh năm 1977.

ĐKKHKT và cư trú tại: Số 24, đường NT, phường TXT, quận TX, thành
phố Hà Nội.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82
và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14
Quy định về mức thu, miễn, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án
ngày 30/12/2016.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày
30 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong
biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm
2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái

đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị B P** - Sinh năm 1982.

ĐKHKT: Số 24, đường NT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội;
Cư trú tại: Xóm LM, xã KL, huyện N, tỉnh NA.

- Bị đơn: Anh **Phan M T** - Sinh năm 1977.

ĐKHKT và cư trú tại: Số 24, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị BP đăng ký kết hôn với anh Phan M T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PL, quận Đ, thành phố Hà Nội vào ngày 25 tháng 12 năm 2008. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến ngày 15/06/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có sự đồng cảm, về nuôi dạy con cái, cách làm ăn, quan hệ với người xung quanh. Gia đình, bạn bè hai bên khuyên giải nhiều và hai vợ chồng đã cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Anh chị đã ly thân từ lâu, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Trần Thị B P và anh Phan M T có hai con chung là cháu Phan S K sinh ngày 29/04/2009 và cháu Phan D V sinh ngày 10/01/2012. Sau khi ly hôn, anh chị thoả thuận chị Trần Thị B P trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phan S K; Anh Phan M T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phan D V. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có thay đổi khác. Chị P và anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung của vợ chồng:** Chị Trần Thị B P và anh Phan M T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị B P nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo biên lai số 08376 ngày 16/01/2018 tại Chi cục THA DS quận T, thành phố Hà Nội. Chị Trần Thị B P được hoàn trả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án Dân sự Q. TX
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LÊ BẢO LONG